

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/HS-ST
Ngày 01 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VINH PHÚC

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mậu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần X Ngọc và ông Lê Mạnh Quỳnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Phương, Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Lại T1, sinh ngày 21/11/1965; nơi cư trú: đường L, khu đô thị N, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Kinh doanh; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể: không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Trần Văn Th (đã ly hôn) và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 1. Tại Bản án số 70 ngày 11/9/1997, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù về tội: “Giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan nhà nước của tổ chức xã hội”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/8/1998 (chấp hành xong); 2. Tại Quyết định số: 52/QĐ-XPVPHC ngày 23/4/2018, Công an tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 40.000.000đ, hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản (đã chấp hành xong); tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh Văn X, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 667, đường Hùng Vương, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Đào Anh TR, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Nhất, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ N (viết tắt: Công ty N) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500466699 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 27/12/2011, đăng ký cấp lại lần thứ 8

ngày 02/02/2021 do Trần Lại T1 làm Giám đốc và người đại diện theo pháp luật với ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Khai thác đá, sắt, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi gia cầm, thực phẩm; Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu; Vận tải hành khách đường bộ; Cho thuê xe, buôn bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.... Công ty N kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực T. Qua công tác kiểm tra thuế đối với Công ty N, Chi cục thuế khu vực T nhận thấy Công ty N có dấu hiệu vi phạm về thuế, hóa đơn nên ngày 19/3/2021, Chi cục thuế có Quyết định chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu vi phạm về thuế và hóa đơn có dấu hiệu tội phạm của Công ty N đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T để xác minh, điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định: Trong hoạt động kinh doanh, Công ty N cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách...cho một số Công ty, Cơ quan trong và ngoài địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình kinh doanh dịch vụ thuê phòng, ăn uống, ngoài việc bán hàng hóa thực tế, T1 đã bán hóa đơn ghi không hàng hóa dịch vụ cho Bưu điện huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể như sau:

Trong hoạt động của Bưu điện huyện T có phát sinh một số khoản chi tiếp khách, ăn uống, ngủ nghỉ tại các địa điểm nhưng không có hóa đơn nên không quyết toán được với cơ quan quản lý cấp trên. Để hợp thức các khoản chi không có hóa đơn, Đào Anh TR (Kế toán trưởng Bưu điện huyện T) báo cáo và được ông Đinh Văn X (Giám đốc Bưu điện huyện T) đồng ý và chỉ đạo anh TR mua hóa đơn không để quyết toán chi cho các khoản tiếp khách không có chứng từ. TR đến Nhà nghỉ N gặp T1 đặt vấn đề mua các hóa đơn không để làm thủ tục quyết toán với Bưu điện tỉnh Vĩnh Phúc. TR và T1 bàn bạc, thống nhất khi TR cần viết hóa đơn với số tiền là bao nhiêu, mặt hàng gì, tên khách hàng TR sẽ cung cấp. Căn cứ vào các thông tin do TR cung cấp, T1 đọc cho chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1958 ở Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc (T1 không biết địa chỉ cụ thể của chị X), là nhân viên thời vụ của Công ty N viết nội dung, T1 ký và đóng dấu Công ty N vào phần Thủ trưởng đơn vị trên hóa đơn. T1 và TR thống nhất giá bán hóa đơn là 15% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, mỗi lần lấy hóa đơn, TR đều trả tiền mặt cho T1. Trong năm 2019, 2020, T1 đã xuất bán trái phép cho Bưu điện huyện T tổng số 17 hóa đơn ghi không hàng hóa, dịch vụ, cụ thể:

1- Hóa đơn số 0000172 ngày 31/01/2019, ghi tên người mua hàng Vũ Thị Thắm, mặt hàng: Dịch vụ ăn uống, thuê phòng, tiền hàng là 12.270.000đ, tiền thuế giá trị gia tăng (viết tắt: GTGT) 1.227.000đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 13.497.000đ.

2- Hóa đơn số 0000226 ngày 28/3/2019, ghi tên người mua hàng Vũ Thị Thắm, mặt hàng: dịch vụ thuê phòng, ăn uống; tiền hàng là 14.866.000đ, tiền thuế GTGT 1.486.600đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 16.352.600đ.

3- Hóa đơn số 0000243 ngày 25/4/2019, ghi tên người mua hàng Vũ Thị Thắm, mặt hàng: Dịch vụ ăn uống; tiền hàng là 9.860.000đ, tiền thuế GTGT 986.000đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 10.846.000đ.

4- Hóa đơn số 0000282 ngày 28/6/2019, ghi tên người mua hàng Vũ Thị Thắm, mặt hàng hóa: dịch vụ ăn uống, thuê phòng; tiền hàng là 15.625.000đ, tiền thuế GTGT 1.562.500đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 17.187.500đ.

5- Hóa đơn số 00002294 ngày 29/7/2019, ghi tên người mua hàng Vũ Thị Thắm, mặt hàng hóa: dịch vụ thuê phòng, ăn uống; tiền hàng là 13.452.000đ, tiền thuế GTGT 1.345.200đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 14.797.200đ.

6- Hóa đơn số 0000323 ngày 25/9/2019, ghi tên người mua hàng Vũ Thị Thắm, mặt hàng hóa: dịch vụ ăn uống, thuê phòng; tiền hàng là 13.425.000đ, tiền thuế GTGT 1.342.500đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 14.767.500đ.

7- Hóa đơn số 0000351 ngày 29/11/2019, ghi tên người mua hàng là Vũ Hồng Trường, mặt hàng hóa: dịch vụ ăn uống, thuê phòng; tiền hàng là 13.585.000đ, tiền thuế GTGT 1.538.500đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 14.943.500đ.

8- Hóa đơn số 0000367 ngày 20/12/2019, ghi tên người mua hàng Vũ Thị Thắm, mặt hàng hóa: dịch vụ ăn uống; tiền hàng là 6.185.000đ, tiền thuế GTGT 618.500đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 6.803.500đ.

9- Hóa đơn số 0000378 ngày 08/01/2020, ghi tên người mua hàng Vũ Thị Thắm, mặt hàng hóa: dịch vụ ăn uống; tiền hàng là 6.685.000đ, tiền thuế GTGT 668.500đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 7.353.500đ.

10- Hóa đơn số 0000381 ngày 29/02/2020, ghi tên người mua hàng Vũ Thị Thắm, mặt hàng hóa: dịch vụ ăn uống; tiền hàng là 12.605.000đ, tiền thuế GTGT 1.260.500đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 13.865.500đ.

11- Hóa đơn số 0000382 ngày 09/3/2020, ghi tên người mua hàng Vũ Hồng Trường, mặt hàng hóa: dịch vụ thuê phòng, ăn uống; tiền hàng là 11.026.000đ, tiền thuế GTGT 1.102.600đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 12.128.600đ.

12- Hóa đơn số 0000395 ngày 17/5/2020, ghi tên người mua hàng Vũ Thị Thắm mặt hàng hóa: dịch vụ ăn uống; tiền hàng là 11.425.000đ, tiền thuế GTGT 1.142.500đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 12.567.500đ.

13- Hóa đơn số 0000397 ngày 28/5/2020, ghi tên người mua hàng là Vũ Hồng Trường, mặt hàng hóa: dịch vụ thuê phòng, ăn uống; tiền hàng là 4.240.000đ, tiền thuế GTGT 424.000đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 4.664.000đ.

14- Hóa đơn số 0000414 ngày 15/7/2020, ghi tên người mua hàng là Vũ Thị Thắm, mặt hàng hóa: dịch vụ ăn uống; tiền hàng là 8.215.000đ, tiền thuế GTGT 821.500đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 9.036.500đ.

15- Hóa đơn số 0000415 ngày 16/7/2020, ghi tên người mua hàng là Vũ Thị Thắm, mặt hàng hóa: dịch vụ thuê phòng, ăn uống; tiền hàng là 7.550.000đ,

tiền thuế GTGT 755.000đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 8.305.000đ.

16- Hóa đơn số 0000446 ngày 24/8/2020, ghi tên người mua hàng Vũ Thị Thắm, mặt hàng hóa: dịch vụ ăn uống; tiền hàng là 12.300.000đ, tiền thuế GTGT 1.230.000đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 13.530.000đ.

17- Hóa đơn số 0000458 ngày 30/9/2020, ghi tên người mua hàng là Vũ Hồng Trường mặt hàng hóa: dịch vụ ăn uống; tiền hàng là 8.680.000đ, tiền thuế GTGT 868.000đ, tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 9.548.000đ.

Tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ thể hiện trên 17 hóa đơn là: 181.994.000đ, trong đó tiền bán hóa đơn là 181.994.000đ x 15% = 27.299.100đ, TR trả cho T1 số tiền 27.300.000đ. Toàn bộ 17 hóa đơn nêu trên T1 đều kê khai, nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực T với số tiền 10% giá trị số tiền ghi trên hóa đơn là 18.199.400đ. Số tiền T1 thu lợi bất chính là 9.100.600đ.

Sau khi mua được hóa đơn, TR đưa hóa đơn cho chị Vũ Thị Thắm và anh Vũ Hồng Trường là thủ quỹ và lái xe của Bưu điện huyện T ký tên vào phần người mua hàng rồi TR hoàn thiện các chứng từ, thủ tục quyết toán cho các khoản chi tiếp khách với tổng số tiền 181.994.000đ như dịch vụ ăn uống, ngủ nghỉ...mà người bán hàng không có hóa đơn. Sau đó, trình ông Đinh Văn X ký duyệt, báo cáo kê khai lên Bưu điện tỉnh Vĩnh Phúc để được nhận tổng số tiền khấu trừ đối ứng là 200.192.800đ. Bưu điện tỉnh Vĩnh Phúc đã báo cáo kê khai 17 hóa đơn trên với Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc và được giảm trừ tiền thuế GTGT là 18.199.400đ. Toàn bộ số tiền 200.192.800đ, Bưu điện huyện T nhận được, ông X đã chỉ đạo TR sử dụng vào việc chi tiếp khách và trả tiền mua hóa đơn không của T1.

Tại bản kết luận giám định ngày 06/9/2021 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *Hành vi bán, mua 17 hóa đơn không giữa Công ty N và Bưu điện huyện T là hành vi vi phạm pháp luật, cụ thể: Công ty N có hành vi lập không, bán 17 số hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ là hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn, vi phạm vào khoản 9, khoản 10, điều 3 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ. Về số tiền thu lợi bất chính của Công ty N không thuộc phạm vi giám định nên Giám định viên không thực hiện nội dung giám định này. Hành vi mua và sử dụng 17 hóa đơn không không có hàng hóa, dịch vụ của Bưu điện huyện T là hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn, vi phạm vào khoản 9, khoản 10, điều 3 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ. Do Bưu điện huyện T không trực tiếp kê khai, quyết toán thuế nên Giám định viên không thực hiện giám định hành vi gây thất thu, ảnh hưởng đến ngân sách Nhà nước và số tiền thuế phải thu của Bưu điện huyện T.*

Tại bản kết luận giám định số 01-2022/KL-GĐCN ngày 13/5/2022 của Sở tài chính Vĩnh Phúc, kết luận: *Khoản chi tiêu cho hoạt động ăn uống tiếp khách của Bưu điện huyện T sử dụng 17 hóa đơn bất hợp pháp của Công ty N để hợp thức hoạt động chi tiêu vi phạm các điều kiện tại Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015, đây là khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập*

chịu thuế của doanh nghiệp. Bưu điện huyện T là đơn vị trực thuộc của Bưu điện tỉnh Vĩnh Phúc, các chi phí của Bưu điện huyện T được Bưu điện tỉnh Vĩnh Phúc giao kế hoạch, trong đó có chi phí tiếp tân, khánh tiết... Chi phí tiếp khách nằm trong chi phí tiếp tân, khánh tiết..., là một nội dung chi phí của đơn vị được phép chi. Các khoản chi ăn uống tiếp khách sử dụng 17 hóa đơn bất hợp pháp nêu trên của Bưu điện huyện T gây thất thoát cho nhà nước như sau: Số thuế GTGT đã được khấu trừ; số thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng với số tiền không được trừ khi xác định thu nhập doanh nghiệp chịu thuế của Doanh nghiệp nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định số tiền cụ thể thất thoát do cơ quan thuế xác định.

Tại bản kết luận ngày 31/10/2022 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: Hành vi mua và sử dụng 17 hóa đơn khống, không có hàng hóa, dịch vụ của Bưu điện huyện T là hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn, vi phạm khoản 9, khoản 10 điều 3 nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ. Các khoản chi phí này đã được Tổng công ty Bưu điện Việt Nam hạch toán và tính vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 và năm 2020 làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2019 và năm 2020 là 36.398.800đ.

Tại bản kết luận giám định ngày 01/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: Chữ ký đứng tên giám đốc Trần Lại T1 dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A13 và các mẫu cần giám định ký hiệu A15 đến A17 so với chữ ký đứng tên Trần Lại T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M3 là do cùng một người ký ra. Chữ ký đứng tên giám đốc Trần Lại T1 dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” trên mẫu cần giám định ký hiệu A14 so với chữ ký đứng tên Trần Lại T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M3 không phải là do cùng một người ký ra, là hình dấu chữ ký. Hình dấu tròn màu đỏ trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A17 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên các mẫu cần so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một con dấu đóng ra.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an T tiến hành làm việc với Chi cục thuế khu vực T để xác định số tiền thuế Công ty N phải nộp đối với 17 số hóa đơn bán cho Bưu điện huyện T. Quá trình làm việc, Chi cục thuế khu vực T xác định số tiền thuế Công ty N phải nộp theo tỷ lệ phần trăm thuế GTGT là 10% (theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính). Tổng số tiền thanh toán thể hiện trên 17 hóa đơn trên là 200.192.800đ, số tiền thuế Công ty N đã kê khai và nộp thuế là: 18.199.400đ.

Ngoài bán 17 hóa đơn khống cho Bưu điện huyện T, T1 còn xuất hóa đơn bán hàng cho 25 Công ty khác trong và ngoài tỉnh Vĩnh Phúc, bao gồm các mặt hàng gỗ chống, gỗ ván, ăn uống, thuê xe..., cụ thể như sau:

Đối với các mặt hàng gỗ chống, gỗ ván phủ phim, đà nẹp, gỗ chèn các loại và cây trồng bạch đàn, phen nứa, cây trồng, nẹp ngang, gỗ ép phủ phim, gạch đặc, cát, bê, tông sỏi: Từ năm 2018 đến năm 2021 T1 đã xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty TNHH Xây dựng - dịch vụ V (viết tắt: Công ty V) 05 hóa đơn,

Công ty cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng V (viết tắt: Công ty V) 03 hóa đơn, Công ty cổ phần Ng (viết tắt: Công ty Ng) 09 hóa đơn, Công ty cổ phần tư vấn xây dựng H (viết tắt: Công ty H) 01 hóa đơn, Công ty cổ phần M (viết tắt: Công ty M) 02 hóa đơn, Công ty TNHH đầu tư xây dựng L (viết tắt: Công ty L) 01 hóa đơn, Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T (viết tắt: Công ty T) 11 hóa đơn, Công ty cổ phần và xây dựng 789 (viết tắt: Công ty 789) là 02 hóa đơn, Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại và xuất nhập khẩu TĐ (viết tắt: Công ty TĐ) 01 hóa đơn, Công ty TNHH xây dựng và kinh doanh thương mại Th (viết tắt: Công ty Th) 04 hóa đơn, Công ty TNHH MTV Quảng cáo và thương mại HA (viết tắt: Công ty HA) 02 hóa đơn, Công ty TNHH kỹ thuật công nghệ TAC (viết tắt: Công ty TAC), Công ty TNHH MTV T1 lợi T (viết tắt: Công ty T1 lợi T) 01 hóa đơn, Công ty TNHH H (viết tắt: Công ty H) 01 hóa đơn, Công ty TNHH xây dựng VINACON N (viết tắt: Công ty N) 04 hóa đơn, Công ty cổ phần Kỹ nghệ xây lắp TK (viết tắt: Công ty TK) 02 hóa đơn, Công ty TNHH MTV TM và xây dựng P (viết tắt: Công ty P) 04 hóa đơn, Công ty TNHH đầu tư và phát triển Thịnh Vượng Y (viết tắt: Công ty Thịnh Vượng Y) 06 hóa đơn, Công ty TNHH kỹ thuật xây lắp điện HN (viết tắt: Công ty HN), Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng BQ (viết tắt: Công ty BQ) 02 hóa đơn, Công ty đầu tư nước và môi trường VN (viết tắt: Công ty Môi trường VN) 01 hóa đơn, Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 1 TC (viết tắt: Công ty TC) 01 hóa đơn, Công ty cổ phần Công nghiệp Alpha (viết tắt: Công ty Alpha) 01 hóa đơn. Quá trình điều tra xác định, các mặt hàng ghi trong hóa đơn bán cho các Công ty nêu trên theo T1 khai T1 thu mua từ nhân dân và do quan hệ xã hội, T1 xin được số điện thoại của các đơn vị cung cấp các mặt hàng gỗ chống, gỗ ván phủ phim, đà nẹp, gỗ chèn các loại và cây trồng bạch đàn, phen nứa, cây trồng, nẹp ngang, gỗ ép phủ phim, gạch đặc, cát, bê, tông sỏi. Sau đó, T1 liên lạc đến các số điện thoại này để mua hàng. T1 được họ giới thiệu là đại diện Công ty TNHH dịch vụ và thương mại B (viết tắt: Công ty B), Công ty cổ phần VH (viết tắt: Công ty VH), Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ X (viết tắt: Công ty X), họ giữ chức vụ gì thì T1 không nhớ. Mỗi lần giao dịch mua bán hàng T1 đều thanh toán ngay. Hàng hóa mua được, T1 nhập về kho tại trụ sở chính của Công ty ở tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn Hợp Châu, huyện T do T1 trực tiếp quản lý và anh Trần Hoàng Chung, sinh năm 1976 ở Bình Xuyên, Vĩnh Phúc bán hàng hoặc kho hàng hóa tại số 321 Bảo Sơn, Liên Bảo, Vĩnh Yên giao cho bà Đặng Thị Huệ, sinh năm 1975 ở tổ dân phố Bảo Sơn, phường liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên quản lý. Có một số lần thì T1 mua hàng rồi chuyển luôn cho khách đang cần hàng ngay nên không nhập kho. Giao dịch, trao đổi hàng hóa với các Công ty nói trên được thực hiện thông qua chị Huệ là người bán hàng của Công ty N tại kho hàng số 321 Bảo Sơn, Liên Bảo. Đại diện của các Công ty trên trực tiếp đến kho hàng hoặc trong một số trường hợp, các Công ty mua hàng trực tiếp liên hệ với T1, T1 cho số điện thoại của chị Huệ để các Công ty liên hệ với chị Huệ để thỏa thuận giá cả, số lượng hàng hóa, khi cả hai bên đã đồng ý, chị Huệ báo cáo lại và gửi thông tin người mua hàng cho T1, T1 đồng ý. Sau đó chị Huệ giao hàng cho bên mua hàng như đã thỏa thuận, T1 viết và xuất

hóa đơn chuyển cho chị Huệ để trả cho người mua hàng. Do vậy, hàng hóa ghi trên hóa đơn mà Công ty N bán cho các Công ty trên thể hiện đúng giao dịch hàng hóa thực tế, cụ thể trên sổ sách kế toán tại Công ty N và các Công ty nêu trên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với T1 về hành vi này.

Đối với các mặt hàng hóa là dịch vụ thuê xe vận chuyển: Từ năm 2018 đến năm 2021 T1 đã xuất hóa đơn bán hàng là dịch vụ thuê xe vận chuyển cho Công ty THNN Vina K (viết tắt: Công ty K) 32 hóa đơn, quá trình điều tra xác định: Việc thực hiện giao dịch trao đổi hàng hóa là dịch vụ vận chuyển giữa công ty N và Công ty K được thực hiện qua hợp đồng. Khi cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty K, T1 thuê ô tô BKS 88A-08821 của anh Lưu Minh H, sinh năm 1982 ở L, V theo hợp đồng thuê xe giữa Công ty N và anh H, sau đó anh H thực hiện việc chở khách cho Công ty Korea theo thông báo của T1. Tại mỗi lần giao dịch, Công ty N và Công ty Korea sẽ tập hợp các chứng từ lại so sánh đối chiếu đúng thực tế. Sau đó T1 viết hóa đơn rồi chuyển cho công ty Korea rồi công ty Korea thanh toán tiền cho công ty N bằng hình thức chuyển khoản. Do vậy, 32 hóa đơn mà T1 xuất bán hàng hóa ghi trên hóa đơn cho Công ty Korea thể hiện đúng thực tế giao dịch, cụ thể trên sổ sách kế toán tại Công ty N và Công ty Korea nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với T1 về hành vi này.

Đối với mặt hàng hóa dịch vụ ăn uống: Từ năm 2018 đến năm 2021, T1 đã xuất hóa đơn bán hàng hóa là dịch vụ ăn uống cho Công ty cổ phần tập đoàn Vitto 15 hóa đơn, Công ty TNHH Vitto VP 11 hóa đơn (sau đây gọi chung là Công ty V). Quá trình điều tra xác định: Khi Công ty V có nhu cầu sử dụng dịch vụ ăn uống, tiếp khách, đại diện của Công ty V liên hệ với T1 để thỏa thuận việc thực hiện các giao dịch này. T1 trực tiếp liên hệ đặt hàng tại các Nhà hàng ĐD, HR, P H đều ở thị trấn H, huyện T rồi báo lại cho Công ty V. Sau đó, Công ty V sẽ đến địa điểm T1 thông báo để ăn uống, tiếp khách rồi ra về, T1 sẽ thanh toán trực tiếp cho Nhà hàng ĐD, HR hoặc PH. Hôm sau, T1 viết hóa đơn của Công ty N gửi cho Công ty V, Công ty V thanh toán tiền cho Công ty N theo các giao dịch tương ứng. Do vậy, 26 hóa đơn mà T1 xuất bán hàng hóa ghi trên hóa đơn cho Công ty V thể hiện đúng thực tế giao dịch, cụ thể trên sổ sách kế toán tại Công ty N và Công ty K nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với T1 về hành vi này.

Đối với Doanh nghiệp tư nhân KL (viết tắt: Doanh nghiệp KL) là đơn vị xuất 66 hóa đơn bán hàng hóa là nước bia, nước ngọt, nước yến...cho Công ty N, quá trình điều tra xác định: Từ năm 2018 đến năm 2020, Công ty N nhập các hàng hóa của Doanh nghiệp KL để thực hiện việc kinh doanh nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống của Công ty. Các nội dung trên 66 hóa đơn thể hiện đúng nội dung giao dịch giữa Công ty N và Doanh nghiệp KL. Các hóa đơn xuất bán cho Công ty N, Doanh nghiệp KL đều kê khai tại Chi cục thuế thành phố V và nộp thuế vào ngân sách nhà nước, hiện nay chưa phát hiện vi phạm gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với các Công ty xuất hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ là các mặt hàng cọc tre, cọc chống, gỗ các loại, văm gỗ phủ phim, cho Công ty N gồm: Công ty

TNHH dịch và thương mại BN (viết tắt: Công ty BN), do bà Triệu Bích N làm giám đốc xuất 08 hóa đơn; Công ty cổ phần phát triển VH (viết tắt: Công ty VH) 06 hóa đơn; Công ty cổ phần đầu tư TM và DV X Trường (viết tắt: Công ty X Trường) 11 hóa đơn quá trình điều tra xác định: Theo T1 khai, T1 mua các mặt hàng trên của Công ty Bích Ngọc, Công ty VH, Công ty X Trường. Mỗi lần giao dịch mua bán hàng T1 đều thanh toán ngay. Tại thời điểm giao dịch với Công ty N, T1 kiểm tra thông tin của các Công ty trên qua mạng xã hội thì thấy các Công ty này vẫn hoạt động bình thường nên không kiểm tra giấy tờ pháp lý mà chỉ tin tưởng xuất hóa đơn thì T1 lấy hàng. T1 khẳng định các mặt hàng ghi trên các hóa đơn thể hiện đúng thực tế giao dịch của Công ty N với các Công ty trên. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định Công ty Bích Ngọc thành lập từ năm 2018 đến năm 2021 thì dừng hoạt động, trong thời gian hoạt động không có bất kỳ giao dịch nào với Công ty N, Công ty VH không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký, không thông báo phát hành các hóa đơn xuất cho công ty N, Công ty X Trường không xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty N. Hành vi trên của các Công ty có biểu hiện vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn, Cơ quan điều tra đã thông báo cho Cơ quan CSĐT nơi các Công ty đăng ký địa chỉ kinh doanh để kiểm tra, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 03 Công ty xuất hóa đơn bán hàng hóa là dịch vụ thuê xe tải, xe vận chuyển cho Công ty N gồm: Công ty cổ phần thương mại dịch vụ HNV (viết tắt: Công ty HNV) 15 hóa đơn, Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ LV (viết tắt: Công ty LV) 12 hóa đơn, Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu TP (viết tắt: Công ty TP) 06 hóa đơn, Công ty cổ phần ĐDCA (viết tắt: Công ty ĐDCA) 08 hóa đơn, theo T1 khai: Do có nhu cầu vận chuyển hàng hóa nên T1 có liên kết với một số Công ty để vận chuyển hàng hóa trong quá trình mua, bán vật liệu. Việc thực hiện các giao dịch là dịch vụ thuê xe tải, xe vận chuyển do một mình T1 thực hiện. T1 được họ giới thiệu là đại diện các Công ty trên, sau khi vận chuyển hàng hóa xong thì T1 gặp họ để nhận hóa đơn và thanh toán tiền, T1 khẳng định các mặt hàng ghi trên các hóa đơn thể hiện đúng thực tế giao dịch của Công ty N với các Công ty trên. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định: Công ty LV (nay là Công ty cổ phần đầu tư phát triển thiết bị Trường Thành) không xuất hóa đơn cho Công ty N, Công ty TP không hoạt động tại địa chỉ đăng ký với cơ quan thuế, Công ty HNV đã bỏ hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký. Hành vi trên của các Công ty có biểu hiện vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn, Cơ quan điều tra đã thông báo đến Cơ quan CSĐT nơi các Công ty đăng ký địa chỉ kinh doanh để kiểm tra, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số: 31/CT-VKSTĐ ngày 04/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Trần Lại T1 về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Lại T1 phạm tội “*Mua bán trái phép hoá đơn*”. Áp

dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Lại T1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm đến 02 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lời bất chính của bị cáo T1 là 9.100.600đ

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, Trần Lại T1 - Giám đốc Công ty N đã bán trái phép cho Đào Anh TR - Kế toán Bưu điện huyện T 17 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty N ghi không mặt hàng ăn uống, dịch vụ thuê phòng với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 200.192.800đ, trong đó tiền hàng hóa là 181.994.000đ, tiền thuế GTGT là 18.199.400đ, giá bán hóa đơn là 15% giá trị tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Tổng số tiền T1 đã thu được từ việc bán trái phép 17 hóa đơn trên là 27.300.000đ. Sau khi bán 17 hóa đơn, T1 đã kê khai, nộp thuế 17 hóa đơn trên tại Chi cục thuế khu vực T với số tiền là 18.199.400đ. Số tiền T1 thu lợi bất chính là 9.100.600đ.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai người liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào... mua bán trái phép hóa đơn... đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số..., thì bị phạt tiền từ 50.000.000đồng đến 200.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Xét tính chất của vụ án tuy là ít là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, trực tiếp xâm phạm đến việc quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách

Nhà nước. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã nộp lại khoản tiền thu lời bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy bị cáo là phụ nữ, phạm tội thuộc trường ít nghiêm trọng và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng xử phạt các bị cáo một mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có ích cho gia đình xã hội. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền ở mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Đối số tiền bị cáo T1 thu lợi bất chính là 9.100.600đ. Bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tại biên lai thu số 0000196 ngày 05/5/2023 cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Đối với hành vi và người có liên quan đến vụ án:

Đối với những hóa đơn T1 đã xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty V, Công ty VP, Công ty N, Công ty H, Công ty M, Công ty L, Công ty Tr Công ty 789, Công ty TĐ, Công ty TĐ, Công ty HA, Công ty TAC, Công ty T1 lợi T, Công ty H, Công ty NK, Công ty TK, Công ty Phú Minh VP, Công ty Thịnh Vượng Y, Công ty HN, Công ty BQ, Công ty môi trường VN Công ty TC, Công ty Alpha, Công ty K, Công ty V, Công ty VVĩnh Phúc, Doanh nghiệp KL. Quá trình điều tra xác định, các mặt hàng ghi trong hóa đơn bán cho các Công ty nêu trên thể hiện đúng giao dịch hàng hóa thực tế, cụ thể trên sổ sách kế toán tại Công ty N và các Công ty nêu trên.

Đối với các Công ty xuất hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ là các mặt hàng cọc tre, cọc chống, gỗ các loại, văm gỗ phủ phim, cho Công ty N gồm: Công ty Bích Ngọc; Công ty VH; Công ty X Trường. Quá trình điều tra xác định: Theo T1 khai, T1 mua các mặt hàng trên của Công ty BN, Công ty VH, Công ty X Trường. Mỗi lần giao dịch mua bán hàng T1 đều thanh toán ngay. Tại thời điểm giao dịch với Công ty N, T1 kiểm tra thông tin của các Công ty trên qua mạng xã hội thì thấy các Công ty này vẫn hoạt động bình thường nên không kiểm tra giấy tờ pháp lý mà chỉ tin tưởng xuất hóa đơn thì T1 lấy hàng. T1 khẳng định các mặt hàng ghi trên các hóa đơn thể hiện đúng thực tế giao dịch của Công ty N với các Công ty trên. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định Công ty Bích Ngọc thành lập từ năm 2018 đến năm 2021 thì dừng hoạt động, trong thời gian hoạt động không có bất kỳ giao dịch nào với Công ty N, Công ty VH không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký, không thông báo phát hành các hóa đơn xuất cho công

ty N, Công ty X Trường không xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty N. Hành vi trên của các Công ty có biểu hiện vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn, Cơ quan điều tra đã văn bản thông báo cho Cơ quan CSĐT nơi các Công ty đăng ký địa chỉ kinh doanh để kiểm tra, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 03 Công ty xuất hóa đơn bán hàng hóa là dịch vụ thuê xe tải, xe vận chuyển cho Công ty N gồm: Công ty HNV, Công ty LV, Công ty TP, Công ty ĐDCA, theo T1 khai: Do có nhu cầu vận chuyển hàng hóa nên T1 có liên kết với một số Công ty để vận chuyển hàng hóa trong quá trình mua, bán vật liệu. Việc thực hiện các giao dịch là dịch vụ thuê xe tải, xe vận chuyển do một mình T1 thực hiện. T1 được họ giới thiệu là đại diện các Công ty trên, sau khi vận chuyển hàng hóa xong thì T1 gặp họ để nhận hóa đơn và thanh toán tiền, T1 khẳng định các mặt hàng ghi trên các hóa đơn thể hiện đúng thực tế giao dịch của Công ty N với các Công ty trên. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định: Công ty LV (nay là Công ty cổ phần đầu tư phát triển thiết bị Trường Thành) không xuất hóa đơn cho Công ty N, Công ty TP không hoạt động tại địa chỉ đăng ký với cơ quan thuế, Công ty HNV đã bỏ hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký. Hành vi trên của các Công ty có biểu hiện vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn, Cơ quan điều tra đã có văn bản thông báo đến Cơ quan CSĐT nơi các Công ty đăng ký địa chỉ kinh doanh để kiểm tra, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Đinh Văn X và Đào Anh TR, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Bưu điện huyện T, X đã chỉ đạo TR mua 17 hóa đơn GTGT bất hợp pháp của Trần Lại T1, với tổng giá trị tiền hàng ghi trên 17 hóa đơn là 181.994.000đ, tiền thuế GTGT là 18.199.400đ, tổng tiền hàng sau thuế là 200.192.800đ để làm chứng từ quyết toán cho các khoản chi tiếp khách không có hóa đơn tại đơn vị, với tổng số tiền mua hóa đơn là 27.300.000đ, X và TR đã báo cáo Bưu điện tỉnh Vĩnh Phúc kê khai thuế với Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc để được giảm trừ tiền thuế GTGT là 18.199.400đ, thuế thu nhập doanh nghiệp theo kết luận giám định của Sở tài chính Vĩnh Phúc là 36.398.800đ. Hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp để hạch toán hàng hóa để được giảm trừ tiền thuế của X và TR có dấu hiệu của tội “Trốn thuế” theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, số tiền trốn thuế dưới 100.000.000đ, chưa đủ định lượng theo khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự nêu trên, bản thân X và TR chưa bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế, chưa bị kết án về tội này hay tội danh nào khác nên không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với X và TR về tội danh trên. Cơ quan điều tra đã có Công văn gửi Chi cục thuế khu vực T để xử lý theo quy định.

Đối với chị Vũ Thị Th và anh Vũ Hồng Tr (cán bộ Bưu điện huyện T) là người ký tên dưới mục mua hàng trong 17 hóa đơn mua của Công ty N. Tuy nhiên, chị Th anh Tr không biết không liên quan gì vào việc mua hóa đơn không mà chỉ ký theo hướng dẫn của TR nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Th và Tr này là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị X là người viết và ký vào phần bán hàng của 17 hóa đơn mà T1 bán không cho Bưu điện huyện T, theo T1 khai: Chị X là nhân

viên hợp đồng thời vụ của Công ty N, T1 thuê chị X làm kế toán của Công ty, nhưng chị X làm việc không thường xuyên, trong thời gian ngắn đã bỏ việc giữa chừng nên T1 không trả lương ổn định cho chị X, không có trong tờ khai thuế thu nhập cá nhân của Công ty N. T1 chỉ biết chị X sinh năm 1958 ở Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc còn địa chỉ cụ thể của chị X, T1 không biết. Trong thời gian T1 bán 17 hóa đơn khống cho Bưu điện huyện T, chị X đang làm việc tại nhà nghỉ N nên khi TR đến mua hóa đơn, T1 yêu cầu chị X viết hóa đơn, bản thân chị X không biết không chứng kiến việc bàn bạc viết hóa đơn khống giữa T1 và TR. Sau khi chị X nghỉ việc tại Công ty N, T1 cũng không liên lạc gì nên không biết chị X đi đâu làm gì nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra, xử lý đối với X.

Đối với chị Nguyễn Thị Lệ D là cổ đông trong Công ty N, người từng làm giám đốc Công ty N trong giai đoạn từ ngày 27/12/2011 đến ngày 29/10/2012 và từ ngày 18/9/2020 đến ngày 02/02/2021. Trong thời gian làm giám đốc Công ty N từ ngày 18/9/2020 đến ngày 02/02/2021, Công ty N bán 01 hóa đơn khống (trong tổng số 17 hóa đơn khống) cho Bưu điện huyện T. Quá trình điều tra xác định, trong giai đoạn này T1 và ông Trần Văn Thuật đang giải quyết tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn, trong đó có 01 diện tích đất về hồ sơ pháp lý được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho Công ty N, để giải quyết vụ án khách quan, T1 đề nghị D làm giám đốc Công ty để làm các thủ tục pháp lý tại Tòa án còn mọi hoạt động kinh doanh của Công ty N, chị D không tham gia và có quyết định ủy nhiệm về việc bổ nhiệm bà T1 giữ chức vụ giám đốc kinh doanh, quản lý điều hành các giao dịch của Công ty và đại diện cho Công ty để làm việc với các cơ quan chức năng. Do vậy việc bà T1 trong quá trình kinh doanh đã bán 17 hóa đơn khống cho Công ty N, trong đó có 01 hóa đơn tại thời điểm chị D làm giám đốc, chị D không biết, không được hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Dung là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Lại T1 phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.
2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử:
 - Phạt bị cáo Trần Lại T1 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/8/2023).
 - Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Lại T1 số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.
 - Giao bị cáo Trần Lại T1 cho Ủy ban nhân dân phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.
 - Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian

thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 9.100.600đ (chín triệu một trăm nghìn sáu trăm đồng) của bị cáo Trần Lại T1 đã nộp tại biên lai thu số: 0000196 ngày 05/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Trần Lại T1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Màu Văn Mùi